

(V/v: Giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán và số liệu tài chính tại BCTC năm tài chính 2014 (từ 01/4/2014 đến 31/3/2015) do Công ty lập khác so với BCTC kiểm toán)

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Báo cáo tài chính (BCTC) năm tài chính 2014 (từ 01/4/2014 đến 31/3/2015) đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long, Công ty xin được giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán và sự khác biệt của một số chỉ tiêu trên BCTC năm tài chính 2014 chưa kiểm toán và BCTC năm tài chính 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt như sau:

A- Giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán về BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất:

Từ năm 2002 đến năm 2014, Công ty đã trích lập quỹ dự phòng tài chính với tổng số tiền đã trích lập là: 1.863.277.098 đồng với mục đích xử lý các vấn đề thiếu hụt về tài chính của các năm trước.

Trong năm 2014, đã có 2 đoàn thanh tra quyết toán thuế các năm 2011, 2012, 2013 Công ty mẹ và Công ty con (Công ty TNHH một thành viên Rượu Vang Thăng Long) của Cục thuế thành phố Hà Nội. Theo biên bản quyết toán thuế và Quyết định của Cục thuế thành phố Hà Nội xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế số 60660/QĐ-CT-TTr4 ngày 28/11/2014 và quyết định số 58571/QĐ-CT-TTr3 ngày 17/11/2014, tổng số tiền truy thu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền phạt thuế là: 387.521.637 đồng.

Vì vậy, Công ty cổ phần Vang Thăng Long đã sử dụng một phần quỹ dự phòng tài chính đã được trích lập từ những năm trước để bù đắp khoản truy thu và phạt thuế này.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 tổ chức vào ngày 25/5/2015 đã thông qua nội dung này.

B- Giải trình sự khác biệt của một số chỉ tiêu trên BCTC năm tài chính 2014 chưa kiểm toán và BCTC năm tài chính 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt:

I. Báo cáo tài chính Công ty mẹ:

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	85.438.755.287	85.520.428.926	81.673.639



2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	11.406.759.560	11.404.751.381	-2.008.179
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	74.031.995.727	74.115.677.545	83.681.818
4. Giá vốn hàng bán	11	57.887.896.387	58.028.488.208	140.591.821
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	16.144.099.340	16.087.189.337	-56.910.003
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	283.605.843	427.029.636	143.423.793
7. Chi phí tài chính	22	6.236.642.840	6.360.449.886	123.807.046
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.236.642.840	6.360.449.886	123.807.046
8. Chi phí bán hàng	24	2.765.021.587	2.667.029.766	-97.991.821
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.856.107.221	6.842.999.124	-13.108.097
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	569.933.535	643.740.197	73.806.662
11. Thu nhập khác	31	2.049.442.268	1.824.218.881	-225.223.387
12. Chi phí khác	32	63.472.000	63.472.000	0
13. Lợi nhuận khác	40	1.985.970.268	1.760.746.881	-225.223.387
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.555.903.803	2.404.487.078	-151.416.725
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	523.807.581	501.165.901	-22.641.680
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	2.032.096.222	1.903.321.177	-128.775.045

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tăng 81.673.639 đồng là do:

- Tăng:

+ Điều chỉnh doanh thu cho thuê kios từ doanh thu hoạt động tài chính về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ do kế toán đã hạch toán nhầm vào doanh thu tài chính: 25.500.000 đồng.

+ Hạch toán bổ sung doanh thu cho thuê kios: 143.181.818 đồng.

- Giảm:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng trùng của Công ty mẹ và chi nhánh Cửa hàng Đông Đô: 85.000.000 đồng.

+ Điều chỉnh giảm doanh thu hàng thử nếm: 2.008.179 đồng.

2. **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Giảm 2.008.179 đồng do hủy bút toán điều chỉnh chi phí bán hàng đối ứng với hàng bán bị trả lại (hàng thử nếm) xuất ít hơn so với hóa đơn.

3. **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tăng 83.681.818 đồng do ảnh hưởng tăng / giảm của chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

4. **Giá vốn hàng bán:** Tăng 140.591.821 đồng do:

- Tăng: Điều chỉnh khoản phụ cấp kiêm nhiệm tại công ty con từ chi phí quản lý sang giá vốn hàng bán: 142.600.000 đồng.

- Giảm: Điều chỉnh giảm giá vốn của hàng bán trả lại (hàng thử nếm): 2.008.179 đồng.
5. **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 56.910.003 đồng do ảnh hưởng tăng / giảm của các chỉ tiêu trên.
6. **Doanh thu hoạt động tài chính:** Tăng 143.423.793 đồng do:
- Tăng:
 - + Hạch toán phân lợi nhuận Công ty con chuyển về Công ty mẹ: 222.460.254 đồng.
 - + Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá từ thu nhập khác sang doanh thu hoạt động tài chính: 2.763.833 đồng.
 - Giảm:
 - + Điều chỉnh doanh thu cho thuê kios từ doanh thu hoạt động tài chính về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ do kế toán đã hạch toán nhầm vào doanh thu tài chính: 25.500.000 đồng.
 - + Điều chỉnh giảm phần lãi vay Công ty mẹ tính cho Chi nhánh Cửa hàng kinh doanh tổng hợp: 56.300.294 đồng.
7. **Chi phí tài chính:** Tăng 123.807.046 đồng là do:
- Tăng: Bổ sung chi phí lãi vay: 180.107.340 đồng
 - Giảm: Điều chỉnh giảm phần lãi vay Công ty mẹ tính cho Chi nhánh Cửa hàng kinh doanh tổng hợp: 56.300.294 đồng.
8. **Chi phí bán hàng:** Giảm 97.991.821 đồng do:
- Tăng:
 - + Hủy bút toán điều chỉnh giảm chi phí bán hàng đối ứng với hàng bán bị trả lại (hàng thử nếm) xuất ít hơn so với hóa đơn: 2.008.179 đồng.
 - Giảm:
 - + Giảm chi phí in catalogue do hạch toán 2 lần: 15.000.000 đồng.
 - + Bù trừ chi phí trùng giữa Công ty Mẹ và chi nhánh Cửa hàng Đông Đô: 85.000.000 đồng.
9. **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Giảm 13.108.097 đồng do:
- Tăng:
 - + Bổ sung phí bảo trì hệ thống phần mềm tháng 2+3/2015: 15.600.000 đồng.
 - + Bổ sung chi phí khấu hao TSCĐ (Tủ mát): 3.436.023 đồng.
 - + Bổ sung chi phí tiền điện: 138.955.880 đồng.
 - Giảm:
 - + Điều chỉnh khoản phụ cấp kiêm nhiệm tại công ty con từ chi phí quản lý sang giá vốn hàng bán: 142.600.000 đồng.



+ Điều chỉnh giảm tiền thuế đất chi nhánh Cửa hàng kinh doanh tổng hợp do hạch toán phí 2 lần: 28.500.000 đồng.

10. **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Tăng 73.806.662 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.

11. **Thu nhập khác:** Giảm 225.223.387 đồng do:

- Tăng: Chênh lệch số dư vay: 700 đồng.

- Giảm:

+ Hủy bút toán hạch toán phần lợi nhuận Công ty con chuyển về Công ty mẹ: 222.460.254 đồng.

+ Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá từ thu nhập khác sang doanh thu hoạt động tài chính: 2.763.833 đồng.

12. **Lợi nhuận khác:** Giảm 225.223.387 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu “Thu nhập khác” và “Chi phí khác”.

13. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** Giảm 151.416.725 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.

14. **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Giảm 22.641.680 đồng là số thuế TNDN điều chỉnh giảm do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” giảm.

15. **Lợi nhuận sau thuế TNDN:** Giảm 128.775.045 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành”.

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán Công ty mẹ cũng bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các điều chỉnh trên.

II. Báo cáo tài chính hợp nhất:

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	88.865.665.221	88.319.689.818	-545.975.403
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13.010.955.337	12.180.249.252	-830.706.085
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	75.854.709.884	76.139.440.566	284.730.682
4. Giá vốn hàng bán	11	57.488.175.538	57.829.816.223	341.640.685
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	18.366.534.346	18.309.624.343	-56.910.003
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	286.138.451	207.101.990	-79.036.461
7. Chi phí tài chính	22	6.236.642.840	6.360.449.886	123.807.046
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.236.642.840	6.360.449.886	123.807.046
8. Chi phí bán hàng	24	4.582.185.728	4.484.193.907	-97.991.821
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.978.743.152	6.965.635.055	-13.108.097

nghiệp				
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	855.101.077	706.447.485	-148.653.592
11. Thu nhập khác	31	1.827.019.926	1.824.256.793	-2.763.133
12. Chi phí khác	32	63.472.000	63.472.000	0
13. Lợi nhuận khác	40	1.763.547.926	1.760.784.793	-2.763.133
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.618.649.003	2.467.232.278	-151.416.725
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	586.552.781	563.911.101	-22.641.680
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.032.096.222	1.903.321.177	-128.775.045

BCTC hợp nhất của Công ty được tổng hợp từ BCTC công ty mẹ và 02 Công ty con (Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long). Vì vậy, sự thay đổi của các chỉ tiêu tương ứng của BCTC Công ty mẹ và BCTC Công ty con sẽ ảnh hưởng đến BCTC hợp nhất. Cụ thể:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 545.975.403 đồng do điều chỉnh phần chênh lệch phần doanh thu tính trùng giữa Công ty mẹ và Công ty con.
- Các khoản giảm trừ doanh thu:** Giảm 830.706.085 đồng là số tiền chiết khấu thương mại và hàng bán trả lại của Công ty mẹ cho Công ty con.
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tăng 284.730.682 đồng do ảnh hưởng của 02 chỉ tiêu trên.
- Giá vốn hàng bán:** Tăng 341.640.685 đồng do:
Ngoài ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ (tăng 140.591.821 đồng), giá vốn hàng bán tăng còn do điều chỉnh phần chênh lệch phần giá vốn tính trùng giữa Công ty mẹ và Công ty con: 201.048.864 đồng.
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 56.910.003 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
- Doanh thu hoạt động tài chính:** Giảm 79.036.461 đồng do:
 - Tăng: Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, doanh thu hoạt động tài chính tăng 143.423.793 đồng.
 - Giảm: Hủy bút toán hạch toán phần lợi nhuận Công ty con chuyển về Công ty mẹ tại sổ kế toán của Công ty con - Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long: 222.460.254 đồng.
- Chi phí tài chính:** Tăng 123.807.046 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
- Chi phí bán hàng:** Giảm 97.991.821 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Giảm 13.108.097 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.

11/01/2017
 I.A.G.O
 M.S.N

9. **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Giảm 148.653.592 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
10. **Thu nhập khác:** Giảm 2.763.133 đồng do điều chỉnh chênh lệch tỷ giá từ thu nhập khác sang doanh thu hoạt động tài chính tại BCTC Công ty mẹ.
11. **Lợi nhuận khác:** Giảm 2.763.133 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu “Thu nhập khác” và “Chi phí khác”.
12. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** Giảm 151.416.725 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
13. **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Giảm 22.641.680 đồng là số thuế TNDN điều chỉnh giảm do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” giảm.
14. **Lợi nhuận sau thuế TNDN:** Giảm 128.775.045 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành”.

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các điều chỉnh trên.

Trên đây là toàn bộ giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán và chênh lệch trên BCTC năm tài chính 2014 (từ 01/4/2014 đến 31/3/2015) chưa kiểm toán và BCTC năm tài chính 2014 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:.

- Như trên;
- Lưu P.TC-HC, P.TC-KT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Xuân Hà